TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/KDTM-ST
Ngày: 16/8/2022
V/v "T/c Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Trần Hùng Bích.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2022/TLST–KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 296/2022/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần X.

Người đại diện theo pháp luật: ông Quách Trọng D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đoàn Lê V – Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần X

Địa chỉ: A/B đường C, phường D, thành phố E, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần C.

Địa chỉ: Số F đường H, phường G, quận I, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật:

1/ Ông Lê Xuân L, sinh năm 1981 – Chủ tịch hội đồng quản trị;

2/ Ông Cao Văn M, sinh năm 1983 – Giám Đốc.

(Ông V có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần X do ông Đoàn Lê V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Đoàn Lê V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty Cổ Phần C có phát sinh nợ mua bê tông trộn sẵn với Chi Nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X - Xí Nghiệp Sản Xuất Bê Tông & Gạch Không Nung theo hợp đồng số 21062019/HĐKT/2019 ký ngày 21/06/2019. Công ty Cổ phần C liên hệ đặt hàng bằng điện thoại, fax từ tháng 06/2019 đến tháng 04/2021 với số tiền phát sinh nợ mua hàng là 10.617.676.803 đồng và số tiền phát sinh trả là 10.190.366.803 đồng. Như vậy, số tiền Công ty Cổ Phần C còn phải trả cho Công ty Cổ Phần X số tiền là 427.310.000 đồng và đã quá hạn thanh toán.

Xí nghiệp đã cử nhân viên nhiều lần liên hệ Công ty Cổ Phần C để đối chiếu công nợ, thông báo nhắc nhở, đôn đốc việc thực hiện trả nợ nhưng Công ty vẫn không thực hiện việc thanh toán nợ, gây ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính hoạt động của Xí Nghiệp.

Nay Công ty Cổ Phần X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là Công ty Cổ Phần C Phải trả số tiền nợ gốc 427.310.000 đồng và trả lãi chậm trả theo điều 4 của hợp đồng từ ngày 01/4/2021 đến 16/8/2022 với số tiền lãi tạm tính là 86.530.275 đồng (427.310.000 đồng x 0.75%/tháng x 150% lãi suất quá hạn x 18 tháng). Tổng cộng: Công ty Cổ Phần C phải trả cho Công ty Cổ Phần X số tiền 86.530.275 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 513.840.275 đồng.

* Bị đơn Công ty Cổ phần C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Đoàn Lê V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi. Buộc Công ty Cổ phần C trả số tiền vốn 427.310.000 đồng + lãi suất theo mức lãi suất trung, dài hạn của ngân hàng B tương ứng với thời gian chưa thanh toán là: (8,6% x 150% x 18 tháng x 427.310.000đ) = 82.684.485 đồng.

Tổng cộng: 509.994.485 đồng.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa có không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

*** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:**

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*** Việc chấp hành pháp luật của Thư ký:**

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Căn cứ Điều 244, 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 306 Luật thương mại.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi chênh lệch là 3.845.790 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn. Buộc bị đơn Công ty cổ phần C phải thanh toán cho Công ty cổ phần X số tiền 427.310.000 đồng và chịu lãi suất chậm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Tranh chấp giữa Công ty Cổ phần X với Công ty Cổ phần C là tranh chấp hợp đồng mua bán. Tranh chấp giữa tổ chức với tổ chức có đăng ký kinh doanh và nhằm mục đích lợi nhuận là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Công ty Cổ phần X do ông Quách Trọng D - Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật. Ông D ủy quyền cho ông Đoàn Lê V – Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần X tham gia tố tụng, thủ tục ủy quyền hợp lệ, phù hợp với Điều 85 và Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận ông V tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[3] Bị đơn là Công ty Cổ phần C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án thành phố Long Xuyên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Ngày 21/6/2019, Công ty TNHH Một thành viên X (nay là Công ty Cổ phần X) có ký hợp đồng kinh tế số 210619/HĐKT/2019 với Công ty Cổ phần C để mua bán bê tông thương phẩm. Sau khi hai Công ty tiến hành đối chiếu công nợ vào ngày 12/4/2021 thì Công ty Cổ phần C còn nợ Công Ty Cổ phần X số tiền vốn là 427.310.000đ. Công ty Cổ phần X đã gởi Thông báo yêu cầu Công ty Cổ phần C thanh toán số nợ còn thiếu là 427.310.000đ nhưng Công ty Cổ phần C vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Công ty Cổ phần X. Do đó Công ty Cổ phần X yêu cầu Công ty C phải thanh toán vốn và lãi theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng.

[4.2] Qua xem xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng mua bán bê tông số 210619/HĐKT/2019 ngày 21/6/2019 giữa Công ty Cổ phần C với Công ty Cổ phần X được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, mặt khác theo bảng đối chiếu công nợ ngày 12/4/2021 xác định Công ty Cổ phần C còn thiếu Công ty Xây Lắp số tiền là 427.310.000 đồng. Việc Công ty Cổ phần C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm thỏa thuận đã giao kết theo Điều 4 trong hợp đồng và Điều 1 của Phụ lục hợp đồng nên phải chịu hậu quả theo giao kết trong hợp đồng giữa hai bên, hơn nữa trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án phía bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ Luật tố tụng dân sự cũng như tống đạt qua dịch vụ bưu chính theo Điều 173 Bộ Luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không thể hiện ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập cũng như có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 427.310.000 đồng mua bê tông còn nợ là có cơ sở và phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty Cổ phần X:

Xét thấy: Tại Điều 4 của hợp đồng mua bán bê tông số 210619/HĐKT/2019 ngày 21/6/2019 đã ghi "*Nếu đến hạn thanh toán mà bên A chưa thanh toán thì phải chịu lãi suất nợ quá hạn thanh toán. Lãi suất nợ quá hạn được tính theo biểu lãi suất cho vay của Ngân hàng B chi nhánh An Giang tương ứng với số ngày trễ hạn thanh toán*". Tại phiên tòa đại diện cho Công ty Cổ phần X rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền lãi. Ông V yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cho vay trung, dài hạn của Ngân hàng B chi nhánh An Giang tương ứng với thời gian mà phía bị đơn chưa thanh toán. Theo Công văn số 1340/B.AG-QLRR ngày 08/08/2022 của Ngân hàng B Chi nhánh An Giang thể hiện về lãi suất cho vay trung, dài hạn áp dụng tại Ngân hàng từ 19/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/8/2022) là 8,6%/ năm. Đây là Hợp đồng mua bán,

việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua bê tông theo thỏa thuận trong hợp đồng đã làm ảnh hưởng đến bên bán là Công ty Cổ phần X theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên Công ty Cổ phần X căn cứ vào Điều 4 của hợp đồng mua bán bê tông số 210619/HĐKT/2019 ngày 21/6/2019 yêu cầu tính lãi trên số tiền mà Công ty Cổ phần C chưa thanh toán là phù hợp nên được chấp nhận. Số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu tính tháng 01/4/2021 đến ngày 16/08/2022 là 82.684.485 đồng (427.310.000đồng x 8,6% x 150% x 18 tháng).

[4.4] Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và lãi mà Công ty Cổ phần C phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần X tính đến ngày 16/8/2022 là 509.994.485 đồng, trong đó tiền vốn 427.310.000 đồng + 82.684.485 đồng tiền lãi.

[5] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn là Công ty Cổ phần C phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 430, Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015 và Điều 306 Luật Thương mại

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X đối với bị đơn là Công ty Cổ phần C.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tiền lãi.

[3] Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần C có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần X số tiền là 509.994.485 đồng (năm trăm lẻ chín triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng), trong đó tiền vốn là 427.310.000 đồng (bốn trăm hai mươi bảy triệu ba trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi là 82.684.485 đồng (tám mươi hai triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/8/2022), Công ty Cổ phần C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[4] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần C phải chịu 24.399.779 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Cổ phần X được nhận lại số tiền 11.700.000đ (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001351 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh